

QUYẾT ĐỊNH

V/v trích quỹ và phân bổ kinh phí cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học chính quy tại Học kỳ 3, năm học 2025 – 2026

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐHV ngày 21/07/2025 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-HVHK ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Xét đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên tại Tờ trình ngày 15 tháng 07 năm 2026 về việc trích quỹ và phân bổ kinh phí cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học chính quy Học kỳ 3, năm học 2025 - 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích 8% từ tổng nguồn thu học phí Học kỳ 3, năm học 2025 - 2026 của chương trình học bằng tiếng Việt và chương trình học bằng tiếng Anh để thành lập Quỹ học bổng khuyến khích học tập (KKHT), cụ thể như sau:

- Tổng số tiền trích quỹ: **10.239.750.000VNĐ** (Mười tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó:

- Chương trình học bằng tiếng Việt là **9.777.820.000 VNĐ** (Chín tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng);
- Chương trình học bằng tiếng Anh là **461.930.000 VNĐ** (Bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

- Chi tiết phân bổ theo ngành và khóa học được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm.

Điều 2. Giá trị các loại học bổng KKHT được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 đính kèm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Lãnh đạo các Khoa và các đơn vị thuộc Học viện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, CTSV

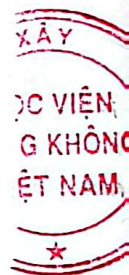


PGS.TS. Trần Hoài An

PHỤ LỤC 1
PHÂN BỐ KINH PHÍ CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2025-2026
(Đính kèm Quyết định số 1831/QĐ-HVHK ngày 20 tháng 07 năm 2026)

1. Chương trình học bằng tiếng Việt:

TT	Ngành	Tổng tiền cấp HB - khóa 2022	Tổng tiền cấp HB - khóa 2023	Tổng tiền cấp HB - khóa 2024	Tổng tiền cấp HB - khóa 2025
1	CNKT Công trình xây dựng	140.000	9.750.000	104.470.000	207.770.000
2	CNKT Điện tử viễn thông	29.960.000	35.790.000	74.840.000	136.610.000
3	CNKT điều khiển và TĐH	9.590.000	72.360.000	95.420.000	162.470.000
4	Công nghệ thông tin		92.600.000	309.950.000	644.640.000
5	Kinh doanh quốc tế			81.970.000	123.370.000
6	Kinh tế vận tải		73.830.000	349.650.000	449.180.000
7	Kỹ thuật Hàng không	14.310.000	173.640.000	194.650.000	384.450.000
8	Marketing				76.050.000
9	Ngôn ngữ Anh		138.510.000	585.100.000	886.710.000
10	Quản lý hoạt động bay	11.900.000	156.490.000	151.440.000	291.380.000
11	Quản trị DV DL&LH		23.530.000	496.640.000	818.470.000
12	Quản trị kinh doanh		175.920.000	579.430.000	810.200.000
13	Quản trị nhân lực		82.000.000	313.510.000	349.130.000
	Tổng cộng:	65.900.000	1.034.420.000	3.337.070.000	5.340.430.000



2. Chương trình học bằng tiếng Anh:

TT	Ngành	Tổng tiền cấp HB – khóa 2024	Tổng tiền cấp HB – khóa 2025
1	Kinh tế vận tải	63.470.000	48.860.000
2	Kỹ thuật Hàng không	40.230.000	76.580.000
3	Quản lý hoạt động bay	62.040.000	67.970.000
4	Quản trị kinh doanh	56.810.000	45.970.000
	Tổng cộng:	222.550.000	239.380.000

PHỤ LỤC 2
GIÁ TRỊ HỌC BỔNG HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2025-2026
(Đính kèm Quyết định số: 1831 /QĐ-HVHK ngày 20 tháng 07 năm 2026)

1. Chương trình học bằng tiếng Việt:

Khóa học	Chương trình	Học bổng loại khá	Học bổng loại giỏi	Học bổng loại xuất sắc
2022	Chuẩn	14.500.000	15.950.000	17.400.000
2023	Chuẩn	14.500.000	15.950.000	17.400.000
2024	Chuẩn	15.500.000	17.050.000	18.600.000
2025	Chuẩn	15.500.000	17.050.000	18.600.000
	Đặc thù	18.500.000	20.350.000	22.200.000

2. Chương trình học bằng tiếng Anh:

Khóa học	Ngành học	Học bổng loại khá	Học bổng loại giỏi	Học bổng loại xuất sắc
2024	Kinh tế vận tải	20.150.000	22.170.000	24.180.000
	Kỹ thuật Hàng không	20.150.000	22.170.000	24.180.000
	Quản lý hoạt động bay	17.980.000	19.780.000	21.580.000
	Quản trị kinh doanh	20.150.000	22.170.000	24.180.000
2025	Kinh tế vận tải	19.220.000	21.140.000	23.060.000
	Kỹ thuật Hàng không	19.490.000	21.440.000	23.390.000
	Quản lý hoạt động bay	19.710.000	21.680.000	23.650.000
	Quản trị kinh doanh	19.530.000	21.480.000	23.440.000

